

Bản án số: 30/2017/DS-ST

Ngày: 29/9/ 2017

V/v Chia di sản thừa kế

NHÂN DANH

NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiềm;

2. Ông Đinh Công Mỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên;

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2016/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp chia di sản thừa kế. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1967. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1960. (có mặt).

Trú tại: Thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Văn Th, sinh năm 1969. (có mặt).

- Chị Mạc Thị H, sinh năm 1972 .

- Cháu Trần Thị H1, sinh năm 1998. Do chị Mạc Thị H đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền lập ngày 24/10/2016)

- Cháu Trần Văn T2, sinh năm 2001. Do chị Mạc Thị H đại diện theo pháp luật.

Đều trú tại: Thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang
(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Trần Thị T3, sinh năm 1977. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: thôn Y, xã T, huyện Y1, tỉnh Bắc Giang

- Chị Trần Thị H3, sinh năm 1978. (có mặt).

Trú tại: Số nhà 31B, phố L, đường X, phường Tr, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- UBND huyện Tân Yên do ông Nguyễn Đức S— Trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Yên đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền lập ngày 01/3/2017) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2016 và lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị là con của ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T4, trong quá trình chung sống ông M, bà T4 đã sinh được sáu người con là Trần Văn K, Trần Thị T, Trần Văn KH (anh KH chết ngày 14/01/2009), Trần Văn Th, Trần Thị T3, Trần Thị H3. Ông M, bà T4 chung sống đã tạo lập được các tài sản gồm: Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 70, diện tích 500 m² (diện tích đất thực tế sử dụng là 992 m²), địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Ngày 28/10/2007 ông M chết, ngày 12/10/2011 bà T4 chết, khi ông M, bà T4 chết không để lại di chúc. Nay các anh chị em trong gia đình không tự phân chia tài sản thừa kế được. Do đó, chị yêu cầu Tòa án chia đều thửa đất là di sản thừa kế trên cho các anh chị em trong gia đình. Đối với yêu cầu độc lập của anh K về phần bức tường, trụ cổng mà anh K đã xây dựng trên thửa đất, ý kiến của chị là ai được hưởng phần đất có bờ tường, trụ cổng do anh K xây dựng thì phải có trách nhiệm trích trả cho anh K bằng tiền. Còn đối với công san lấp mặt bằng thì chị không đồng ý trích trả cho anh K.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại đơn yêu cầu phản tố và những lời khai tiếp theo, bị đơn anh Trần Văn K trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị T về tài sản mà bố mẹ anh để lại là thửa đất số 222, tờ bản đồ số 70, diện tích 500 m² (diện tích đất thực tế sử dụng là 992 m²), địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Hiện thửa đất trên không có tranh chấp với ai, nay anh cũng nhất trí chia thửa đất là di sản thừa kế trên cho tất cả các anh chị em trong gia đình. Ngoài ra anh

có yêu cầu phản tố là: Sau khi bố mẹ anh chết, anh có quản lý thửa đất trên và có tạo lập được các tài sản trên thửa đất gồm xây bờ tường bao ở phía Đông Nam của thửa đất trị giá 15.000.000 đồng, công san lấp mặt bằng trên thửa đất trị giá 12.000.000 đồng. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết là ai được hưởng thừa kế trên thửa đất thì phải có trách nhiệm trích trả tiền công sức mà anh đã tôn tạo trên thửa đất.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Văn K có mặt và thay đổi yêu cầu phản tố, anh đề nghị các đồng thừa kế khác phải trích trả cho anh tiền công sức tôn tạo trên thửa đất trị giá bức tường bao là 6.622.000 đồng; 02 trụ cổng trị giá 150.000 đồng; công san lấp mặt bằng trị giá 5.406.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu nhận tài sản thừa kế và những lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm: anh Trần Văn Th, chị Trần Thị T3, chị Trần Thị H3 đều xác định bố mẹ chị khi chết có để lại tài sản thừa kế như chị T, anh K trình bày. Các anh chị đều xác định có quyền được hưởng di sản thừa kế ở thửa đất trên. Nay chị H3, anh Th đều đề nghị Tòa án chia đều tài sản thừa kế trên cho các anh chị em trong gia đình. Đối với yêu cầu độc lập của anh K ý kiến của anh Th về phần bức tường, trụ cổng mà anh K đã xây dựng trên thửa đất, ai được hưởng phần đất có bờ tường, trụ cổng do anh K xây dựng thì phải có trách nhiệm trích trả cho anh K bằng tiền. Còn đối với công san lấp mặt bằng thì anh không đồng ý trích trả cho anh K. Ý kiến của chị H3 nhất trí trích trả cho anh K bằng tiền đối với công sức mà anh K đã tu tạo trên thửa đất. Đối với chị T3 tại đơn xin rút yêu cầu chia di sản thừa kế lập ngày 11/9/2017, chị có ý kiến phần di sản thừa kế mà chị được hưởng, chị không nhận và chị để lại cho các anh chị em trong gia đình. Chị đề nghị Tòa án chia đều phần tài sản mà chị được hưởng cho tất cả các anh chị em trong gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Th, chị H3 có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trên. Chị Thúy có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại đơn yêu cầu nhận tài sản thừa kế và những lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Mạc Thị H xác định chồng chị là anh Trần Văn KH được hưởng tài sản thừa kế mà ông Trần Văn M để lại và các con của chị là Hạnh, Tuấn được hưởng thừa kế thế vị tài sản của ông M, bà Thuân khi chết để lại. Nay chị đề nghị Tòa án chia phần tài sản thừa kế trên cho mẹ con chị. Đối với yêu cầu độc lập của anh K, chị nhất trí trích trả cho anh K bằng tiền đối với công sức mà anh K đã tu tạo trên thửa đất

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của cháu H1 và đại diện theo pháp luật của cháu T2, chị Mạc Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

Tại phiên tòa hôm nay chị Mạc Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Đức S đại diện theo ủy quyền trình bày: Thửa đất mà đang có yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc khoảng năm 1978 hộ ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T4 có khai hoang đến ngày 28/12/2000 hộ ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 222, tờ bản đồ số 70, diện tích 500 m², diện tích đo đạc thực tế của thửa đất trên hiện nay là 992 m². Nguyên nhân có sự chênh lệch về diện tích đất là do năm 2000, hộ ông M tự kê khai diện tích đất để đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất còn lại hộ ông M chưa kê khai nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông đề nghị Tòa án xem xét chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Đức S có đơn xin vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T;
- Đề nghị HĐXX chia thừa kế theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Trần Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mạc Thị H, chị Trần Thị T3, ông Nguyễn Đức S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/10/2007, ông M chết, ngày 12/10/2011 bà T4 chết, đến ngày 05/10/2016, chị T làm đơn khởi kiện gửi Tòa án để yêu cầu chia di sản thừa kế của ông M, bà T4. Theo khoản 1 Điều 632 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện là ba mươi năm, kể từ thời điểm mở thừa kế. Như vậy, chị T làm đơn khởi kiện trong thời hạn.

[3] Về tài sản thừa kế: Cả nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều xác định, khi ông M, bà T4 còn sống thì ông, bà có tạo lập được tài sản gồm thửa đất số 222, tờ bản đồ số 70, diện tích 500 m² (trong đó có 300 m² đất ở và 200 m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Ngoài tài sản trên ông M, bà T4 không tạo lập được tài sản gì khác. Hiện nay, thửa đất trên có diện tích là 992 m² (đã trừ đi hành lang đê là 8,5 m tính từ tim đường), nguyên nhân có sự chênh lệch diện tích là do năm 2000 ông M làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì ông chỉ đề nghị cấp 500 m², diện tích đất còn lại ông M chưa đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng gia đình ông M vẫn sử dụng diện tích đất còn lại đó và không có tranh chấp với ai. Qua xác minh với chính quyền địa phương cũng như các cơ quan chuyên môn thì diện tích đất 492 m² gia đình ông M sử dụng ổn định từ khoảng năm 1978 đến nay, không tranh chấp với ai và cũng không vi phạm hành lang đê điều. Do đó, cần tạm giao diện tích đất trên cho các đương sự.

[4] Về giá trị tài sản: Theo biên bản định giá ngày 24/02/2017, thì giá trị di sản thừa kế gồm đất ở 300m² X 250.000 đồng/01m² = 75.000.000 đồng, đất trồng cây lâu năm 200m² X 42.000 đồng/01m² = 8.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà ông M, bà T4 để lại là 83.400.000 đồng.

[5] Về quyền được hưởng thừa kế: Do ông M, bà T4 chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của ông M, bà T4 được phân chia theo pháp luật. Tại thời điểm ông M chết thì bố mẹ của ông M đã chết trước và ông M, bà T4 sinh được 06 người con là Khương, Kha, Thao, Thanh, Thúy, Huế. Anh KH chết sau ông M và đã có vợ là chị H và hai con là H1, T2. Do đó, anh KH được hưởng tài sản thừa kế của ông M để lại, do anh KH chết nên chị H, cháu H1, cháu T2 được hưởng di sản thừa kế chuyển tiếp. Bà T4 chết sau anh KH nên cháu H1, cháu T2 được hưởng thừa kế thế vị của anh KH. Do vậy, những người được hưởng di sản thừa kế của ông M, bà T4 Gồm: anh K, chị T, anh Th, chị T3, chị H3, chị H, cháu H1, cháu T2.

[6] Đối với yêu cầu phản tố của anh K: Anh K có trình bày năm 2010 anh có xây bờ tường bao trị giá 15.000.000 đồng và năm 2014 anh có san lấp mặt bằng trị giá 12.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu các đồng thừa kế phải trích trả anh công sức tôn tạo bức tường bao trị giá là 6.622.000 đồng; 02 trụ cổng trị giá 150.000 đồng; công san lấp mặt bằng trị giá 5.406.000 đồng. Chị H, chị T3 đồng ý trích trả công sức tôn tạo cho anh K, còn chị T, anh Th không đồng ý trích trả công sức tôn tạo ở phần san lấp mặt bằng cho anh K. HĐXX thấy, anh

K có công sức tôn tạo trên thửa đất đó và khi anh K xây bờ tường bao và san lấp mặt bằng thì các đồng thừa kế khác không phản đối gì nên cần chấp nhận yêu cầu của anh K.

[7] Về phân chia tài sản thừa kế: Do chị T3 không nhận di sản thừa kế và ý kiến của chị T3 là phần tài sản chị được hưởng, chị đề nghị chia đều cho các anh chị em trong gia đình, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị T3. Do anh KH chết không để lại di chúc nên người được hưởng di sản thừa kế chuyển tiếp và thừa kế thế vị của anh KH là chị H, cháu H1, cháu T2. Mặt khác, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì thửa đất trên có cạnh hướng Nam giáp với đường liên thôn nên nếu chia thửa đất trên làm năm phần thì đủ điều kiện tách thửa (theo khoản 2 Điều 7 quyết định số 745/2014/QĐ – UBND, ngày 07/11/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang) và các phần đất đều có đường đi. Do vậy, cần chia đều diện tích đất trên cho các thừa kế.

Về chi phí định giá tài sản, chi phí đo vẽ sơ đồ hiện trạng: Chị Mạc Thị H, anh Trần Văn Th, chị Trần Thị H3 phải hoàn trả cho chị Trần Thị T 1.250.000 đồng chi phí đo đạc và định giá tài sản, chị Trần Thị T phải chịu 1.250.000 đồng tiền chi phí đo đạc và định giá tài sản (xác nhận chị T đã thanh toán xong), anh Trần Văn K phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí định giá (xác nhận anh K đã thanh toán xong).

Về án phí: Các đương sự được hưởng di sản thừa kế nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Anh K có yêu cầu phản tố và được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 649; điểm a khoản 1 Điều 650; khoản 1 và khoản 2 Điều 651; Điều 652, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 xử:

1. Giao cho chị Trần Thị H3 được sử dụng diện tích 100 m² đất (trong đó đất ở 60 m², đất trồng cây lâu năm 40 m²), tạm giao 98,4 m² đất tại thửa số

222, tờ bản đồ số 70, địa chỉ thửa đất thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang, trị giá 16.680.000 đồng, nhưng phải có trách nhiệm trích trả công sức cho anh K số tiền 1.081.000 đồng. Diện tích đất có các cạnh như sau:

Cạnh thứ nhất: từ điểm A đến điểm B dài 14,68 m

Cạnh thứ hai: từ điểm B đến điểm C dài 11,47 m

Cạnh thứ ba: từ điểm C đến điểm R dài 14,16 m

Cạnh thứ tư: từ điểm R đến điểm A dài 17,47 m

2. Giao cho chị Trần Thị T được sử dụng diện tích 100 m² đất (trong đó đất ở 60 m², đất trồng cây lâu năm 40 m²), tạm giao 98,4 m² đất tại thửa số 222, tờ bản đồ số 70, địa chỉ thửa đất thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang, trị giá 16.680.000 đồng, nhưng phải có trách nhiệm trích trả công sức cho anh K số tiền 1.081.000 đồng. Diện tích đất có các cạnh như sau:

Cạnh thứ nhất: từ điểm R đến điểm C dài 14,16 m

Cạnh thứ hai: từ điểm C đến điểm D dài 13,60 m

Cạnh thứ ba: từ điểm D đến điểm Q dài 15,05 m

Cạnh thứ tư: từ điểm Q đến điểm R dài 13,59 m

3. Giao cho anh Trần Văn Th được sử dụng diện tích 100 m² đất (trong đó đất ở 60 m², đất trồng cây lâu năm 40 m²), tạm giao 98,4 m² đất tại thửa số 222, tờ bản đồ số 70, địa chỉ thửa đất thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang, trên thửa đất có 02 trụ cổng. Tổng giá trị được hưởng là 16.830.000 đồng, nhưng phải có trách nhiệm trích trả công sức cho anh K số tiền 1.231.000 đồng. Diện tích đất có các cạnh như sau:

Cạnh thứ nhất: từ điểm Q đến điểm D dài 15,05 m

Cạnh thứ hai: từ điểm D đến điểm E dài 12,84 m

Cạnh thứ ba: từ điểm E đến điểm O dài 15,96 m

Cạnh thứ tư: từ điểm O đến điểm Q dài 12,82 m

4. Giao cho chị Mạc Thị H, cháu Trần Thị H1, cháu Trần Văn T2 được sử dụng diện tích 100 m² đất (trong đó đất ở 60 m², đất trồng cây lâu năm 40 m²), tạm giao 98,4 m² đất tại thửa số 222, tờ bản đồ số 70, địa chỉ thửa đất thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang, trên đất có 12,05 m bờ tường bao, tổng giá trị được hưởng là 18.370.000 đồng, nhưng phải có trách nhiệm trích trả công sức cho anh K số tiền 2.738.000 đồng. Diện tích đất có các cạnh như sau:

Cạnh thứ nhất: từ điểm O đến điểm E dài 15,96 m

Cạnh thứ hai: từ điểm E đến điểm F dài 12,05 m

Cạnh thứ ba: từ điểm F đến điểm N dài 16,99 m

Cạnh thứ tư: từ điểm N đến điểm O dài 12,05 m

5 Giao cho anh Trần Văn K được sử dụng diện tích 100 m² đất (trong đó đất ở 60 m², đất trồng cây lâu năm 40 m²), tạm giao 98,4 m² đất tại thửa số 222, tờ bản đồ số 70, địa chỉ thửa đất thôn H, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang (trong đó có 29,94 m bờ tường bao do anh K xây dựng), trị giá 16.680.000 đồng. Diện tích đất có các cạnh như sau:

Cạnh thứ nhất: từ điểm N đến điểm F dài 16,99 m

Cạnh thứ hai: từ điểm F đến điểm G dài 12,01 m

Cạnh thứ ba: từ điểm G đến điểm H dài 2,77 m

Cạnh thứ tư: từ điểm H đến điểm I dài 1,62 m

Cạnh thứ năm: từ điểm I đến điểm J dài 2,43 m

Cạnh thứ sáu: từ điểm J đến điểm K dài 3,91 m

Cạnh thứ bảy: từ điểm K đến điểm M dài 7,64 m

Cạnh thứ tư: từ điểm M đến điểm N dài 11,57 m

(Diện tích các thửa đất có sơ đồ phân chia tài sản kèm theo).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

Về chi phí định giá tài sản, chi phí đo vẽ và án phí:

Anh Th, chị H3, chị H mỗi người phải hoàn trả cho chị T số tiền 1.250.000 đồng chi phí định giá tài sản và chi phí đo vẽ. Chị T phải chịu 1.250.000 đồng, anh K phải chịu 1.000.000 đồng chi phí định giá (xác nhận chị T, anh K đã nộp đủ).

Chị T phải chịu 834.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đó nộp theo biên lai thu số AA/2015/0001072 ngày 17/10/2016 tại chi cục thi hành án huyện Tân Yên. Hoàn trả chị T số tiền 1.666.000 đồng.

Anh K phải chịu 834.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 675.000đ tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003706 ngày 08/6/2017 tại chi cục thi hành án huyện Tân Yên. Anh K còn phải nộp 159.000 đồng.

Chị H3 phải chịu 834.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H3 đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003823 ngày 03/8/2017 tại chi cục thi hành án huyện Tân Yên. Chị H3 còn phải nộp 534.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H, cháu H1, cháu T2 phải chịu 919.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003820 ngày 03/8/2017 tại chi cục thi hành án huyện Tân Yên. Chị H, cháu H1, cháu T2 còn phải nộp 619.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Th phải chịu 842.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Th đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003822 ngày 03/8/2017 tại chi cục thi hành án huyện Tân Yên. Anh Th còn phải nộp 542.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Trần Thị T3 số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003824 ngày 13/8/2017 của Chi cục thi hành án huyện Tân Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hs,vt.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy